

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C T
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 84/2018/DS-ST

Ngày: 24-4-2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C T, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Thành Trại

2/ Ông Nguyễn Văn Y

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Trần Thị C**, sinh năm: 1939

Địa chỉ: ấp H B, xã H Đ, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thành P, sinh năm: 1977

Địa chỉ: Số 166/19B L T K, p 6, thành phố M T, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2018)

2. *Bị đơn:* **Võ Văn K**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: ấp H B, xã H Đ, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

(Anh P và anh K có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày: Vào năm 2016 anh Võ Văn K có tham gia chơi hụi do bà làm chủ thảo, cụ thể:

- Đây hụi loại 3.000.000đồng/tháng, khởi khai ngày 20/01/2016, gồm có 17 phần, anh K tham gia 01 phần. Sau khi tham gia đến kỳ khai hụi thứ 02 anh K

hết hạn. Sau khi hết hạn anh K có đóng được 05 kỳ hạn chết rồi ngưng. Hiện đây hạn này đã mãn vào tháng 6/2017. Hạn này anh K còn nợ lại bà C 10 kỳ hạn chết với số tiền là 30.000.000đồng.

- Hạn loại 3.000.000đồng/tháng, khởi khai ngày 20/01/2016, gồm có 18 phần, anh K tham gia 01 phần. Sau khi tham gia đến kỳ khai hạn thứ 02 anh K hết hạn. Sau khi hết hạn anh K có đóng được 05 kỳ hạn chết rồi ngưng. Hiện đây hạn này đã mãn vào tháng 7/2017. Hạn này anh K còn nợ lại bà C 11 kỳ hạn chết với số tiền là 33.000.000đồng.

Tổng cộng 02 hạn anh K còn nợ lại bà C số tiền là 63.000.000đồng. Nay bà C yêu cầu anh K trả số tiền hạn còn nợ là 63.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Võ Văn K trình bày: Anh K thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn là vào năm 2016 anh có tham gia chơi 02 hạn do bà C làm chủ thảo, anh K đã hết 02 hạn và còn nợ lại bà C tiền hạn của 02 hạn là 63.000.000đồng. Nay anh K đồng ý trả số tiền 63.000.000đồng cho bà C nhưng xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000đồng.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh Võ Văn K trả số tiền hạn còn nợ là 63.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn anh Võ Văn K đồng ý trả cho bà C số tiền 63.000.000đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hạn chưa thanh toán, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp là hợp đồng góp hạn.

[2] – Về nội dung yêu cầu: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị C và bị đơn anh Võ Văn K trình bày thống nhất vào năm 2016 anh K có tham gia 02 hạn do bà C làm chủ thảo, hạn loại 3.000.000đồng khai hàng tháng, khởi khai ngày 20/01/2016, sau khi tham gia anh K đã hết hạn và còn nợ lại bà C tiền hạn của 02 hạn là 63.000.000đồng. Xét lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nêu trên là sự thật. Như vậy, Hội

đồng xét xử có đủ cơ sở xác định anh Võ Văn K còn nợ bà Trần Thị C số tiền hụi là 63.000.000đồng. Bà C đã nhiều lần yêu cầu anh K thanh toán nợ nhưng anh K kéo dài thời gian trả nợ gây thiệt thòi quyền lợi cho nguyên đơn. Do vậy yêu cầu khởi kiện của bà C là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu xin trả dần của anh K, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là hoàn toàn do lỗi của bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn theo đúng thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên hụi viên, đồng thời không được nguyên đơn đồng ý, do đó yêu cầu của bị đơn không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về lãi suất do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ khi vi phạm thỏa thuận đến ngày xét xử, nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn anh Võ Văn K có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Cụ thể: $63.000.000đ \times 5\% = 3.150.000đ$ ồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C.

1/ Buộc anh Võ Văn K có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị C số tiền 63.000.000đồng (Sáu mươi ba triệu đồng), thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh K chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Võ Văn K phải chịu 3.150.000đồng.

Hoàn lại cho bà Trần Thị C số tiền là 1.575.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008041 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C T;
- Chi cục THADS huyện C T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh